

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HS-ST
Ngày 22-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Tiên

Bà Cao Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **06/2019/HSST** ngày 08 tháng 01 năm 2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/HSST-QĐ ngày 27/02/2019 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Vừ A P** (tên gọi khác: Không); Sinh năm: 1992, tại tỉnh Điện Biên. Nơi ĐKKHKT: và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Dân tộc: H'Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vừ Vả N - Sinh năm 1963 và bà Sùng Thị Đ - Sinh năm 1966; Vợ Vả Thị N - Sinh năm 1994; Bị cáo có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/10/2018 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh **Vừ A B** - Sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT: Bản Na U', xã Na U', huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

Nơi cư trú: Số nhà 01, tổ 15, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Chị Vả Thị N - Sinh năm 1994;

Nơi cư trú: Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 20/10/2018, Vừ A P điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 27B1-486.07 đến nhà anh Vừ A B tại tổ dân phố 15, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên để xin nghỉ nhờ. Khi vào nhà, P thấy anh Ba đang ngủ trên giường, phía bên cạnh có chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9+ màu vàng, vỏ ốp bằng nhựa màu trắng trong suốt của anh Ba, Vừ A P đã lén lút, bí mật dùng tay lấy chiếc điện thoại và bỏ vào túi quần đang mặc. Sau đó, P điều khiển xe mô tô đến quán sửa điện thoại của anh Nguyễn Văn Đang tại tổ dân phố 06, phường Tân Thanh, thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên nhờ tháo 02 sim ra khỏi điện thoại. Sau đó P mang đến lán nương của gia đình tại Bản T, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để cất giấu. Khoảng 07 giờ ngày 26/10/2018, P mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại của chị Nguyễn Thị Nhân tại xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên để thuê mở mặt khóa màn hình, nhưng điện thoại hết pin, P để lại quán và hẹn chiều cùng ngày quay lại lấy. Đến 14 giờ ngày 26/10/2018, P bị Cơ quan cảnh sát điều tra triệu tập đến làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 96/QĐ ngày 26/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số tài sản mà Vừ A P chiếm đoạt của Vừ A B là 21.251.000 (hai mươi một triệu hai trăm năm mươi một nghìn) đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Tại Bản cáo trạng số: 05/CT- VKSTPĐBP ngày 07/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Vừ A P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu theo đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Điện Biên Phủ.

- Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo; bị cáo là người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có tranh luận gì với lời luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình điều tra anh Ba, chị Nhia đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt anh Ba, và chị Nhia theo quy định của pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo Vừ A P, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với nhau, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, kết luận định giá, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 14 giờ ngày 20/10/2018, tại tổ dân phố 15, phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên, Vừ A P đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S9+ màu vàng, hai sim điện thoại, vỏ ốp bằng nhựa màu trắng trong suốt của anh Vừ A B có tổng giá trị tài sản là 21.251.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã truy tố và kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, theo qui định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[4]. Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì muốn có điện thoại để sử dụng mà

đã cố ý phạm tội, hành vi trộm cắp của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, đồng thời còn ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5]. Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo không có sự tác động đến gia đình để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại nhưng gia đình của bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người bị hại Vũ A B có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Vũ A P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự, do đó đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù là cao, chưa phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, tuy nhiên xét bị cáo làm ruộng, gia đình thuộc hộ nghèo, không có tài sản riêng có giá trị nên không có khả năng thi hành. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S9+ màu vàng, IMEI: 355331/09/022476/7; 01 sim điện thoại nhà mạng Mobifone, trên sim có dãy số và chữ: 8401-1610-1253-2957-0T; 01 sim điện thoại, nhà mạng Viettel trên sim có dãy số: 8984-0488-5100-1109-330; 01 vỏ ốp của điện thoại Samsung Galaxy S9+, bằng nhựa màu trắng trong suốt đã qua sử dụng; 01 vỏ hộp điện thoại Samsung Galaxy S9+, màu đen trên hộp có dán mác ghi *355331/09/022476/7* là tài sản của Vũ A B. 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn: Đỏ - đen, số máy 5C6J213520, số khung C6J0GY213545, biển kiểm soát 27B1 - 486.07 đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 040604, mang tên Vũ Thị N, cấp ngày 24/10/2016 là tài sản riêng của chị Vũ Thị N. Cơ quan cảnh sát điều tra căn cứ Điều 36, 39 và 106 của Bộ luật tố tụng hình sự trả cho chủ sở hữu là anh Vũ A B và chị Vũ Thị N là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Điện Biên Phủ.

(Theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 07/11/2018 giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên với bị hại Vũ A B và Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 10/11/2018 giữa cơ

quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên với chị Và Thị N (BL: 46, 47, 48, 49).

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án bị hại Vừ A B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Và Thị N đã nhận lại toàn bộ tài sản; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền là 10.000.000đ, tuy nhiên bị hại thấy gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, không có tài sản, đời sống khó khăn nên bị hại đã tự nguyện trả lại cho gia đình bị cáo toàn bộ số tiền 10.000.000đ và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

[10]. Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Vừ A P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vừ A P **06 (sáu)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 27/10/2018).

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Vừ A B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Và Thị N, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

3. Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc trả lại tài sản cho bị hại anh Vừ A B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Và Thị N của cơ quan cảnh sát điều tra, công an thành phố Điện Biên Phủ.

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố Đ;
- CA thành phố Đ;
- Nhà Tạm giữ Công an TP.Đ;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

QUYẾT ĐỊNH: án treo

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Vừ A P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vừ A P **12 (mười hai)** tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Nong U, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo **quy định của pháp luật về thi hành án hình sự**

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại **Vừ A B**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Và Thị N, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: **Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án **(26/02/2019)**.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Xét hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX thấy rằng bị cáo Vừ A P là người đã trộm cắp chiếc điện di động của **Vừ A B** nên cần phải phạt tù có thời hạn để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, mặt khác gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo là lao động chính trong gia đình, con bị cáo còn nhỏ cần người chăm sóc, giáo dục nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 65 của BLHS cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian thử thách, thông qua đó thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

